

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya
(Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thông tin về Công ty

Giấy phép đầu tư số	414/GP 414/GPDC 414/GPDC1 414/GPDC2 414/GPDC3 414/GPDC4 414/CPH/GP 414/CPH/GCNDC1-BKH do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	ngày 7 tháng 9 năm 1992 ngày 14 tháng 2 năm 1995 ngày 31 tháng 10 năm 1995 ngày 9 tháng 1 năm 1996 ngày 30 tháng 7 năm 1997 ngày 19 tháng 9 năm 1997 ngày 7 tháng 10 năm 2005 ngày 25 tháng 10 năm 2006
	414/GPDC1-BKH-KCN-DN 414/GPDC2-BKH-KCN-DN 414/GPDC3-BKH-KCN-DN 414/GCNDC2/47/2 472033000584 472033000584 472033000584 472033000584 472033000584 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp	ngày 16 tháng 5 năm 2003 ngày 23 tháng 6 năm 2003 ngày 7 tháng 5 năm 2004 ngày 6 tháng 9 năm 2007 ngày 11 tháng 7 năm 2008 ngày 18 tháng 12 năm 2008 ngày 30 tháng 8 năm 2010 ngày 29 tháng 11 năm 2011 ngày 13 tháng 5 năm 2013
	Giấy phép đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư đầu tiên.	
Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang Ông Shen Shang Tao Ông Shen Shang Hung Ông Shen San Yi Ông Wang Ting Shu Ông Tsai Chung Cheng Ông Tu Ting Jui	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Wang Ting Shu Ông Chen Chung Kuang	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký		
Trụ sở chính	Khu Công nghiệp Biên Hòa II Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
Chi nhánh	Xã Cẩm Điền Huyện Cẩm Giàng Tỉnh Hải Dương Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Thay mặt Ban Giám đốc

Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 10 tháng 3 năm 2015



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-266/2



Chang Hùng Chun

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0863-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Đặng Trung Hoàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2235-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		437.304.513.602	330.626.998.431
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	124.185.242.794	81.511.799.472
Tiền	111		24.185.242.794	21.511.799.472
Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	60.000.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		166.072.426.870	153.328.236.794
Phải thu khách hàng	131	5	165.874.697.298	146.358.210.441
Trả trước cho người bán	132		918.216.500	6.369.237.900
Các khoản phải thu khác	135		687.222.225	1.938.785.067
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.407.709.153)	(1.337.996.614)
Hàng tồn kho	140	6	124.575.046.417	87.382.900.729
Hàng tồn kho	141		124.925.910.364	87.998.657.357
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(350.863.947)	(615.756.628)
Tài sản ngắn hạn khác	150		22.471.797.521	7.404.061.436
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		649.094.558	1.151.790.173
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.580.765.963	6.044.756.763
Tài sản ngắn hạn khác	158		241.937.000	207.514.500
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 260)	200		192.631.749.157	194.750.127.509
Các khoản phải thu dài hạn	210		122.801.647.437	122.801.647.437
Vốn kinh doanh giao cho chi nhánh	212	7	122.801.647.437	122.801.647.437
Tài sản cố định	220		66.584.823.550	68.109.750.156
Tài sản cố định hữu hình	221	8	66.034.658.505	67.693.950.156
Nguyên giá	222		285.832.135.192	275.610.182.913
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(219.797.476.687)	(207.916.232.757)
Tài sản cố định vô hình	224	9	302.400.000	415.800.000
Nguyên giá	225		567.000.000	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(264.600.000)	(151.200.000)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	247.765.045	-
Tài sản dài hạn khác	260		3.245.278.170	3.838.729.916
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.239.247.731	2.901.968.092
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	1.006.030.439	936.761.824
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		629.936.262.759	525.377.125.940

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

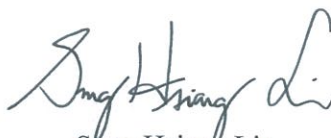
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		308.080.103.125	237.491.858.790
Nợ ngắn hạn	310		308.080.103.125	237.491.858.790
Vay ngắn hạn	311	13	159.660.000.000	96.991.000.000
Phải trả người bán	312	14	125.982.507.460	119.928.291.799
Người mua trả tiền trước	313		14.443.259.819	15.010.652.196
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	2.558.844.895	517.909.067
Phải trả người lao động	315		4.404.241.340	3.831.182.960
Chi phí phải trả	316	16	941.013.364	1.129.681.636
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		90.236.247	83.141.132
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		321.856.159.634	287.885.267.150
Vốn chủ sở hữu	410	17	321.856.159.634	287.885.267.150
Vốn cổ phần	411	18	279.013.770.637	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ	414	18	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ và dự trữ	417	19	21.553.609.319	21.553.609.319
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	420		21.561.619.678	(12.409.272.806)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		629.936.262.759	525.377.125.940

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba	3.774.358.530	7.674.294.708
Ngoại tệ	4.871.176.440	5.722.877.200

Ngày 10 tháng 3 năm 2015

Người lập:


 Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Wang Ting Shu
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này


Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu	01	20	878.918.568.239	710.950.943.738
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	194.697.301	453.087.428
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	20	878.723.870.938	710.497.856.310
Giá vốn hàng bán	11	21	813.722.649.436	670.080.693.017
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		65.001.221.502	40.417.163.293
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	5.597.545.457	3.163.132.159
Chi phí tài chính	22	23	7.532.229.133	6.327.690.622
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.163.853.063	2.964.467.715
Chi phí bán hàng	24		14.571.510.767	13.335.080.276
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.163.514.246	15.564.024.953
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		32.331.512.813	8.353.499.601
Thu nhập khác	31	24	6.737.219.961	6.887.222.094
Chi phí khác	32		53.331.107	1.276.228.324
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.683.888.854	5.610.993.770
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		39.015.401.667	13.964.493.371
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	5.113.777.798	-
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	25	(69.268.615)	285.148.179
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		33.970.892.484	13.679.345.192

Ngày 10 tháng 3 năm 2015

Người lập:


 Sung Hsiang Lin
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		39.015.401.667	13.964.493.371
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		12.705.323.675	13.101.574.008
Các khoản dự phòng	03		(195.180.142)	(1.907.629.566)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		792.555.602	54.153.231
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(272.736.000)	(226.690.909)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(4.610.154.072)	(2.582.104.837)
Chi phí lãi vay	06		4.163.853.063	2.964.467.715
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		51.599.063.793	25.368.263.013
Biến động các khoản phải thu	09		(27.748.562.213)	(60.280.952.810)
Biến động hàng tồn kho	10		(36.927.253.007)	65.221.992.836
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		5.382.567.600	32.452.665.360
Biến động chi phí trả trước	12		1.165.415.976	120.076.709
			(6.528.767.851)	62.882.045.108
Tiền lãi vay đã trả	13		(4.320.791.742)	(2.803.275.267)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(2.704.820.643)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(13.554.380.236)	60.078.769.841
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(11.180.397.069)	(3.029.582.536)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		272.736.000	226.690.909
Tiền chi cho các khoản đầu tư	25		-	(1.000.000.000)
Tiền thu từ các khoản đầu tư	26		1.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		4.263.084.627	2.501.396.501
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(5.644.576.442)	(1.301.495.126)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

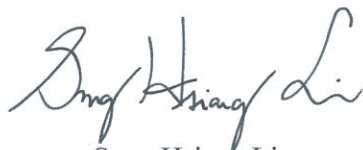
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		394.614.347.680	159.332.744.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(332.741.947.680)	(206.220.220.966)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		61.872.400.000	(46.887.476.966)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		42.673.443.322	11.889.797.749
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		81.511.799.472	69.622.001.723
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	4	124.185.242.794	81.511.799.472

Ngày 10 tháng 3 năm 2015

Người lập:




Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Trụ sở chính có 253 nhân viên (31/12/2013: 254 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này được Trụ sở chính lập và không bao gồm các báo cáo tài chính của Chi nhánh. Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho Công ty (bao gồm Chi nhánh) và cần được đọc đồng thời cùng với báo cáo tài chính đính kèm.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng và cấu trúc	7 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyên	6 năm
▪ trang bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ golf

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 37 đến 40 năm.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(k) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Trụ sở chính và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Trụ sở chính phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Trụ sở chính xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Trụ sở chính có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Trụ sở chính xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Trụ sở chính xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Trụ sở chính có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Trụ sở chính xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Trụ sở chính có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Trụ sở chính xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(n) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Trụ sở chính tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mà mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc có ý kiến rằng Trụ sở chính hoạt động chủ yếu trong một bộ phận kinh doanh là sản xuất và bán dây cáp điện và trong một vùng địa lý chủ yếu là Việt Nam.

(q) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm chi nhánh Hải Dương, các nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và các công ty liên kết của nhà đầu tư này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	364.611.000	323.712.000
Tiền gửi ngân hàng	23.820.631.794	21.188.087.472
Các khoản tương đương tiền	100.000.000.000	60.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	124.185.242.794	81.511.799.472

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

5. Các khoản phải thu ngắn hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu từ Chi nhánh		
Thương mại	-	6.115.582.954

6. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng mua đang đi trên đường	45.531.217.567	32.726.803.163
Nguyên vật liệu	18.866.790.317	16.457.833.740
Sản phẩm dở dang	2.070.763.907	6.434.604.585
Thành phẩm	58.457.138.573	32.379.415.869
	<hr/> 124.925.910.364	<hr/> 87.998.657.357
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(350.863.947)	(615.756.628)
	<hr/> 124.575.046.417	<hr/> 87.382.900.729

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	615.756.628	2.523.386.194
Tăng dự phòng trong năm	663.749.345	615.756.628
Hoàn nhập	(928.642.026)	(2.523.386.194)
	<hr/> 350.863.947	<hr/> 615.756.628

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có 10.185 triệu VND giá trị thành phẩm (31/12/2013: 6.283 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

7. Vốn kinh doanh giao cho chi nhánh

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vốn kinh doanh giao cho chi nhánh Hải Dương	122.801.647.437	122.801.647.437

Vốn kinh doanh giao cho chi nhánh là khoản ứng trước dài hạn cho chi nhánh Hải Dương vào năm 2007 để tài trợ vốn lưu động, không lãi suất và được ghi nhận theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Trang bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	73.589.032.749	191.653.108.544	4.991.453.929	3.042.867.694	2.333.719.997	275.610.182.913
Tăng trong năm	-	512.492.306	-	83.380.000	-	595.872.306
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang Thanh lý	195.363.638	10.141.396.080	-	-	-	10.336.759.718
	-	(710.679.745)	-	-	-	(710.679.745)
Số dư cuối năm	73.784.396.387	201.596.317.185	4.991.453.929	3.126.247.694	2.333.719.997	285.832.135.192
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	47.221.787.195	151.001.922.461	4.860.744.900	2.719.834.877	2.111.943.324	207.916.232.757
Khấu hao trong năm Thanh lý	2.626.302.800	9.724.118.984	74.692.800	128.147.900	38.661.191	12.591.923.675
	-	(710.679.745)	-	-	-	(710.679.745)
Số dư cuối năm	49.848.089.995	160.015.361.700	4.935.437.700	2.847.982.777	2.150.604.515	219.797.476.687
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	26.367.245.554	40.651.186.083	130.709.029	323.032.817	221.776.673	67.693.950.156
Số dư cuối năm	23.936.306.392	41.580.955.485	56.016.229	278.264.917	183.115.482	66.034.658.505

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có số tài sản có nguyên giá 128.949 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 127.001 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	567.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	151.200.000
Khấu hao trong năm	113.400.000
Số dư cuối năm	264.600.000
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	415.800.000
Số dư cuối năm	302.400.000

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2014 VND
Số dư đầu năm	-
Tăng trong năm	10.584.524.763
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.336.759.718)
Số dư cuối năm	247.765.045

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.652.303.611	1.249.664.481	2.901.968.092
Phân bổ trong năm	(56.848.560)	(605.871.801)	(662.720.361)
Số dư cuối năm	1.595.455.051	643.792.680	2.239.247.731

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản cố định	373.222.939	331.753.723
Dự phòng phải thu khó đòi	211.156.373	200.699.492
Dự phòng hàng tồn kho	52.629.592	92.363.494
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	369.021.535	311.945.115
	<hr/>	<hr/>
	1.006.030.439	936.761.824
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

13. Vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (a)	4.000.000 USD	SIBOR + 1,5%	10.000.000.000	27.410.500.000
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh Annping (b)	4.000.000 USD	SIBOR + 1,5%	51.312.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Quốc tế Trung Quốc, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6.200.000 USD	1% + Chi phí huy động vốn	14.966.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6.000.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	14.966.000.000	21.085.000.000
Ngân hàng Thương mại Hua Nan, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	4.500.000 USD	0,95% + Chi phí huy động vốn	6.414.000.000	10.542.500.000
Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Đồng Nai (b)	1.500.000 USD	SIBOR 6 tháng + 1%	12.828.000.000	6.325.500.000
Ngân hàng Thượng Hải – OBU (b)	3.000.000 USD	4,3%	-	8.434.000.000
Ngân hàng ANZ Việt Nam (b)	5.000.000 USD	0,5% năm trên Chi phí huy động vốn - được quyết định trên mỗi giao dịch	23.518.000.000	-
Vietcombank, Chi nhánh Đồng Nai (b)	40.000.000.000 VND	USD: 3% VND: Chi phí huy động vốn của Chi nhánh Đồng Nai + 1,5%	4.276.000.000	10.542.500.000

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Far East National, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	3.000.000 USD	USD: SIBOR/Chi phí huy động vốn Chi nhánh HCM + 1,5% VND: Chi phí huy động vốn Chi nhánh HCM + 1,5%	21.380.000.000	12.651.000.000
			159.660.000.000	96.991.000.000

- a. Khoản vay này được đảm bảo bởi ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- b. Khoản vay này không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

14. Phải trả người bán

Trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả các công ty liên quan như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải trả cho Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd - công ty mẹ	117.638.251.207	113.480.805.154

Khoản phải trả thương mại đối với công ty mẹ không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hoá đơn.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	174.293.807
Thuế thu nhập cá nhân	149.887.740	343.615.260
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.408.957.155	-
	2.558.844.895	517.909.067

16. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phí kiểm toán	763.606.366	796.589.536
Lãi vay	162.204.157	319.142.836
Chi phí khác	15.202.841	13.949.264
	941.013.364	1.129.681.636

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

17. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ và dự trữ VND	(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(26.088.617.998)	274.205.921.958
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	13.679.345.192	13.679.345.192
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(12.409.272.806)	287.885.267.150
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	33.970.892.484	33.970.892.484
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	21.561.619.678	321.856.159.634

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

18. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	27.892.014	278.740.930.637	27.892.014	278.740.930.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

19. Quỹ và dự trữ

Quỹ và dự trữ được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

20. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu từ thành phẩm đã bán	878.449.152.569	710.014.897.015
▪ Doanh thu từ hàng hoá đã bán	469.415.670	936.046.723
	<hr/> 878.918.568.239	<hr/> 710.950.943.738
Các khoản giảm trừ		
▪ Hàng bán bị trả lại	(194.697.301)	(453.087.428)
	<hr/> 878.723.870.938	<hr/> 710.497.856.310
Doanh thu thuần		

21. Giá vốn hàng bán

	2014 VND	2013 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	813.597.290.659	671.034.854.302
▪ Hàng hoá đã bán	390.251.458	953.468.281
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(264.892.681)	(1.907.629.566)
	<hr/> 813.722.649.436	<hr/> 670.080.693.017

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi	4.610.154.072	2.582.104.837
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	987.391.385	581.027.322
	<hr/> 5.597.545.457	<hr/> 3.163.132.159

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

23. Chi phí tài chính

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	4.163.853.063	2.964.467.715
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.575.820.468	3.309.069.676
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	792.555.602	54.153.231
	7.532.229.133	6.327.690.622

24. Thu nhập khác

	2014 VND	2013 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định hữu hình	272.736.000	226.690.909
Lãi do thanh lý phế liệu	6.464.483.961	6.660.531.185
	6.737.219.961	6.887.222.094

25. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	5.113.777.798	-
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(69.268.615)	285.148.179
Chi phí thuế thu nhập	5.044.509.183	285.148.179

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	39.015.401.667	13.964.493.371
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	5.852.310.250	2.094.674.006
Chi phí không được khấu trừ thuế	564.416.415	855.190.873
Ảnh hưởng của thuế suất khác	910.790.061	383.631.906
Lỗi tính thuế đã sử dụng	(2.283.007.543)	(3.048.348.606)
	5.044.509.183	285.148.179

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	-	-	13.220.649.502	2.283.007.543

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế.

Ngày 6 tháng 9 năm 2007, Công ty có được Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh để tăng vốn pháp định. Theo các quy định thuế thu nhập doanh nghiệp (“CIT”) hiện hành, các hoạt động kinh doanh mở rộng sẽ được phân loại là mở rộng đầu tư và thu nhập phát sinh từ mở rộng đầu tư này sẽ chịu thuế suất CIT tiêu chuẩn là 22%. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

26. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2014 VND	2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd – công ty mẹ				
Mua nguyên vật liệu	499.591.047.746	500.258.797.804	117.527.393.170	113.388.791.929
Phí thương hiệu	1.194.558.400	990.206.774	110.858.037	92.013.225
Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương				
Bán dây và cáp điện	869.600.925	13.634.839.480	-	-
Vốn kinh doanh phân bổ cho chi nhánh	-	-	122.801.647.437	122.801.647.437

Theo hợp đồng về bản quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Trụ sở chính và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd (công ty mẹ), Trụ sở chính có quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Bù lại, Trụ sở chính sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần bán dây điện từ.

27. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Trụ sở chính phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng,
- rủi ro thanh khoản, và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Trụ sở chính có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Trụ sở chính sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Trụ sở chính chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Trụ sở chính như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Trụ sở chính gặp phải.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Trụ sở chính. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Trụ sở chính.

Các chính sách quản lý rủi ro của Trụ sở chính được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Trụ sở chính gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Trụ sở chính. Trụ sở chính, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên đều được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Trụ sở chính nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác và tiền gửi ngân hàng.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	123.820.631.794	81.188.087.472
Đầu tư ngắn hạn – tiền gửi có kỳ hạn	(ii)	-	1.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	165.154.210.370	146.958.998.894
		<hr/>	<hr/>
		288.974.842.164	229.147.086.366

(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư ngắn hạn - tiền gửi có kỳ hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Trụ sở chính chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Trụ sở chính.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Trụ sở chính chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm riêng của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Trụ sở chính đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Trụ sở chính đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó.

Trụ sở chính thiết lập dự phòng giảm giá phản ánh lỗ phát sinh ước tính đối với phải thu khách hàng và phải thu khác. Các thành tố chính của khoản dự phòng này là các khoản lỗ cụ thể liên quan đến từng trường hợp riêng biệt có mức rủi ro cao.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Trụ sở chính hoặc chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong hạn	141.808.671.264	131.551.274.382
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	17.354.901.303	13.293.146.418
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	5.668.348.323	1.870.670.077
Quá hạn trên 180 ngày	322.289.480	243.908.017
	<hr/>	<hr/>
	165.154.210.370	146.958.998.894

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.337.996.614	1.337.996.614
Tăng dự phòng trong năm	69.712.539	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.407.709.153	1.337.996.614

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Trụ sở chính không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Trụ sở chính là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Trụ sở chính luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Trụ sở chính.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

31/12/2014	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng chưa được chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	131.417.998.411	131.417.998.411	131.417.998.411
Vay ngắn hạn	159.660.000.000	160.820.817.661	160.820.817.661
	291.077.998.411	292.238.816.072	292.238.816.072
31/12/2013	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng chưa được chiết khấu VND	Trong vòng 1 năm VND
Phải trả người bán và phải trả khác	124.972.297.527	124.972.297.527	124.972.297.527
Vay ngắn hạn	96.991.000.000	97.777.264.828	97.777.264.828
	221.963.297.527	222.749.562.355	222.749.562.355

Trụ sở chính quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất và tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Trụ sở chính hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Trụ sở chính nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Trụ sở chính có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch bán, mua và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là Đô la Mỹ (USD).

Rủi ro hối đoái của Trụ sở chính được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Trụ sở chính có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	227.838	272.052
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.902.102	2.004.876
Vay ngắn hạn	(7.000.000)	(4.600.000)
Phải trả người bán và phải trả khác	(207.779)	(5.492.654)
	<hr/>	<hr/>
	(4.077.839)	(7.815.726)
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là tỷ giá hối đoái chính được Trụ sở chính áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2014	31/12/2013
USD	21.380	21.085
	<hr/>	<hr/>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Trụ sở chính sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần	
	2014	2013
	VND	VND
USD (mạnh thêm 2%) – giảm lợi nhuận thuần	(1.482.131.363)	(2.801.507.906)
	<hr/>	<hr/>

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền sẽ có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu của Trụ sở chính.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Trụ sở chính như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính		
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	123.820.631.794	81.188.087.472
▪ Đầu tư ngắn hạn	-	1.000.000.000
	<hr/> 123.820.631.794	<hr/> 82.188.087.472
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	(159.660.000.000)	(96.991.000.000)
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Phân tích độ nhạy giá trị hợp lý cho các công cụ chịu lãi suất cố định

Trụ sở chính không hạch toán những tài sản và nợ phải trả chịu lãi suất cố định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc vốn chủ sở hữu. Do đó, thay đổi về lãi suất tại ngày báo cáo không tác động gì đến kết quả hoạt động kinh doanh hoặc vốn chủ sở hữu.

Phân tích độ nhạy dòng tiền của công cụ chịu lãi suất thả nổi

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản về lãi suất tại ngày lập báo cáo sẽ dẫn đến tăng/(giảm) lợi nhuận thuần của Trụ sở chính 1.357 triệu VND (2013: 824 triệu VND). Đánh giá này giả sử rằng tất cả các tham biến khác, cụ thể là tỷ giá hối đoái, không thay đổi.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mỗi tài sản có thể trao đổi, hoặc thanh toán nợ, giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong một giao dịch ngang giá tại ngày đo lường.

So sánh giá trị hợp lý với giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014		Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	124.185.242.794	124.185.242.794	81.511.799.472	81.511.799.472
▪ Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	165.154.210.370	(*)	146.958.998.894	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(131.417.998.411)	(*)	(124.972.297.527)	(*)
▪ Các khoản vay	(159.660.000.000)	(*)	(96.991.000.000)	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

28. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	3.582.061.857	3.500.874.395
Trong vòng hai đến năm năm	17.910.309.285	14.003.497.578
Sau năm năm	69.150.705.794	76.998.898.790
	<hr/>	<hr/>
	90.643.076.936	94.503.270.763

Chi phí thuê hàng năm của Trụ sở chính bao gồm 2 khoản thuê:


- Tiền thuê đất tại tỉnh Đồng Nai có chi phí thuê hàng năm tối thiểu bao gồm thuê giá trị gia tăng 109.798 USD và phí thuê cơ sở vật chất hàng năm là 25.885 USD trong vòng 50 năm kể từ ngày 7 tháng 9 năm 1992. Tiền thuê đất sẽ tăng tối đa 15% sau mỗi 5 năm.
- Phí thuê văn phòng hàng năm tại Thành phố Hồ Chí Minh là 630 triệu VND trong vòng 10 năm từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	795.694.267.779	571.341.851.705
Chi phí nhân công	32.424.658.043	29.450.098.946
Chi phí khấu hao	12.705.323.675	13.101.574.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.959.279.096	21.066.962.260
Chi phí khác	12.634.706.515	12.771.689.124

Ngày 10 tháng 3 năm 2015

Người lập:


Sung Hsiang Lin
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Wang Ting Shu
Tổng Giám đốc